



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Translating 1 - MH1105034

Mã lớp học phần: 25211MH110503401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 8/11/2026 Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	6,2	Sau, hai	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
3	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
4	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,1	Năm, một	
5	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,3	Năm, ba	
6	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,1	Năm, một	
7	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	7,1	Bảy, một	
8	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy, năm	
9	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
10	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
11	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<i>[Signature]</i>	7,4	Bảy, bốn	
12	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
13	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
14	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
15	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
16	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<i>[Signature]</i>	8,2	Tám, hai	
17	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
18	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
19	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	6,0	Sáu, không	
20	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<i>[Signature]</i>	7,8	Bảy, tám	
21	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
22	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<i>[Signature]</i>	8,3	Tám, ba	
23	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
24	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
25	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	5,0	Năm, không	
26	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA	<i>[Signature]</i>	8,7	Tám, bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / _____.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

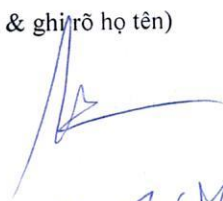


Phạm Quang Hải

Ngày 8 tháng 1 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Đào Thị Hồng Nhung



TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Translating 1 - MH1105034

Mã lớp học phần: 25211MH110503401 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 27/11/2026 Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<i>Minh</i>	6,2	Sai, hai	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<i>Trung</i>	5,0	Năm, không	
3	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<i>Huy</i>	5,0	Năm, không	
4	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<i>Huy</i>	5,0	Năm, không	
5	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<i>Huỳnh</i>	5,0	Năm, không	
6	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<i>Hỷ</i>	5,0	Năm, không	
7	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<i>Mỹ</i>	5,0	Năm, không	
8	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<i>Ngọc</i>	8,5	Tam, năm	
9	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<i>Trí</i>	5,2	Năm, hai	
10	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<i>Oanh</i>	5,0	Năm, không	
11	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<i>Phúc</i>	5,0	Năm, không	
12	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<i>Phượng</i>	5,0	Năm, không	
13	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<i>Quỳnh</i>	5,0	Năm, không	
14	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<i>Thịnh</i>	5,0	Năm, không	
15	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<i>Thông</i>	5,0	Năm, không	
16	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<i>Thu</i>	9,2	Chín, hai	
17	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<i>Thuận</i>	5,0	Năm, không	
18	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<i>Thùy</i>	5,0	Năm, không	
19	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<i>Thư</i>	5,0	Năm, không	
20	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<i>Thương</i>	8,0	Tám, không	
21	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<i>Tiên</i>	5,0	Năm, không	
22	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<i>Trang</i>	9,0	Chín, không	
23	2410130035	Trần Thị Quế	Trần	07/01/2006	C26TA	<i>Trần</i>	6,7	Sáu, bảy	
24	2410130012	Đoàn Thị Cẩm	Tú	04/12/2006	C26TA	<i>Tú</i>	5,0	Năm, không	
25	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn	Việt	04/09/2006	C26TA	<i>Việt</i>	5,0	Năm, không	
26	2410130005	Tê Hoàng Như	Ý	12/07/2006	C26TA	<i>Ý</i>	8,4	Tám, bốn	

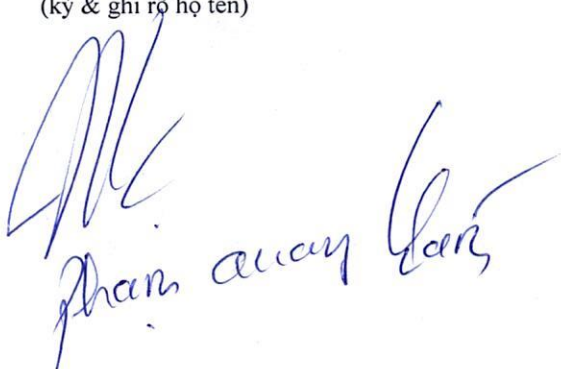
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: / .

Ngày: 16 tháng 5 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

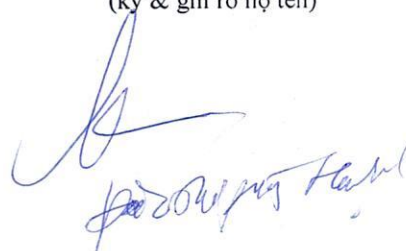
(ký & ghi rõ họ tên)


Phan quynh loan

Ngày: 24 tháng 1 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phan quynh loan

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ BẢO

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Translating 1 - MH1105034

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110503401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 8/1/2026 Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005	C25TA		5.0	Năm, chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0. Số bài thi: 1

Ngày: 16 tháng 3 năm 2026

Ngày: 8 tháng 1 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

 pham quang long

 Đào Thị Hồng Hạnh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Translating 1 - MH1105034

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110503401 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 27/11/2026 Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005	C25TA		5,0	Năm, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0. Số bài thi: 1 / _____.

Ngày 16 tháng 2 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Khoa/Bộ Môn

Ngày 27 tháng 1 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đào Thị Hồng Hạnh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Translating 1 - MH1105034

Giám thị 1: Lê Thành Huy

Ký tên: LT

Mã lớp học phần: 25211MH110503401

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Vũ Văn Hào

Ký tên: VVH

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 30/03/2026

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005	<u>U</u>	7	6.6	Sáu sáu	C25TA	
2	2410130011	Võ Nguyễn Minh Đạt	12/04/2006	<u>Đ</u>	1	7.9	Bảy chín	C26TA	
3	2410130013	Trần Trung Hiếu	24/01/2006	<u>T</u>	1	8.2	Tám hai	C26TA	
4	2410130030	Trần Tâm Hoàng Huy	15/12/2004	<u>H</u>	1	2.7	Hai bảy	C26TA	
5	2410130033	Võ Khải Huy	22/07/2006	<u>H</u>	1	6.3	Sáu ba	C26TA	
6	2410130025	Huỳnh Hương	19/03/2006	<u>H</u>	1	2.2	Hai hai	C26TA	
7	2410130021	Đặng Phụng Hỷ	03/07/2006	<u>H</u>	1	3.9	Ba chín	C26TA	
8	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc Mỹ	02/06/2006	<u>M</u>	1	5.4	Năm bốn	C26TA	
9	2410130034	Đặng Kim Ngọc	15/04/2006	<u>N</u>	1	8.8	Tám tám	C26TA	
10	2410130022	Tô Hồng Trí Nhân	22/07/2002	<u>N</u>	1	5.1	Năm một	C26TA	
11	2410130018	Hồ Thị Kim Oanh	03/06/2005	<u>O</u>	1	4.8	Bốn tám	C26TA	
12	2410130009	Phan Văn Trọng Phúc	20/5/2004	<u>P</u>	1	5.1	Năm một	C26TA	
13	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim Phụng	26/08/2006	<u>P</u>	1	1.3	Một ba	C26TA	
14	2410130004	Quách Kim Quỳnh	02/4/1999	<u>Q</u>	1	5.4	Năm bốn	C26TA	
15	2410130016	Lâm Quốc Thịnh	02/10/2006	<u>T</u>	1	6.3	Sáu ba	C26TA	
16	2410130027	Võ Minh Thông	14/12/2002	<u>T</u>	1	6.1	Sáu một	C26TA	
17	2410130020	Hoàng Thị Thu	26/03/1996	<u>T</u>	1	5.5	Năm năm	C26TA	
18	2410130002	Trịnh Nam Thuận	08/3/2003	<u>T</u>	1	4.5	Bốn năm	C26TA	
19	2410130028	Nguyễn Phương Thùy	06/01/2006	<u>T</u>	1	3.5	Ba năm	C26TA	
20	2410130006	Nguyễn Lê Minh Thư	08/08/2006	<u>T</u>	1	2.8	Hai tám	C26TA	
21	2410130001	Phạm Thu Thương	12/8/2005	<u>T</u>	1	7.4	Bảy bốn	C26TA	
22	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	27/12/2006	<u>T</u>	1	6.7	Sáu bảy	C26TA	
23	2410130003	Phạm Thị Thùy Trang	27/10/1980	<u>T</u>	1	4.8	Bốn tám	C26TA	
24	2410130035	Trần Thị Quế Trân	07/01/2006	<u>T</u>	1	6.4	Sáu bốn	C26TA	
25	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	<u>T</u>	1	6.4	Sáu bốn	C26TA	
26	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	<u>V</u>	1	5.7	Năm bảy	C26TA	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
27	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006		1	1.4	Một bốn	C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

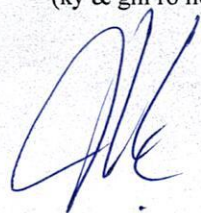
Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 27 / 27.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 13 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu

Ngày 4 tháng 4 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỞNG
PHÒNG
VĂN